

Số: **49** /2018/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 15 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: T6, thị trấn A, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn C, sinh năm 1968; địa chỉ: T6, thị trấn A, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 60, 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 10 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trương Thị H với ông Nguyễn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con: Vợ chồng có ba con chung tên là Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 08-7-2000, Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 16-7-2002 và Nguyễn Thị Y, sinh ngày 05-12-2004. Cháu Nguyễn Ngọc S đã thành niên, có đủ sức khỏe và khả năng lao động nên không giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao bà Trương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc T và cháu Nguyễn Thị Y từ khi ly hôn đến khi thành niên; ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản:

- Giao bà Trương Thị H quyền sở hữu tài sản chung là ngôi nhà cấp 4, kết cấu bê tông cốt thép, tường xây, mái lợp tôn, diện tích 55,35 m², tọa lạc trên thửa đất số xxx tờ bản đồ số yy tại t6, thị trấn A, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế (đất riêng của bà H), giá trị 94.131.000 đồng (Chín mươi bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng). Ghi nhận thỏa thuận giữa bà Trương Thị H và ông Nguyễn C là bà H không phải hoàn trả chênh lệch giá trị tài sản cho ông C.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là bà Trương Thị H thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C (Tại Phòng Giao dịch huyện AL thuộc Chi nhánh Ngân hàng C tỉnh T) khoản nợ vay ngày 19-5-2016 số tiền gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh; trả cho vợ chồng bà Trần Thị C và ông Trương A có địa chỉ tại thôn T, xã S, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế khoản nợ tháng 8-2005 là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); trả cho ông Nguyễn Ngọc D có địa chỉ tại T5, thị trấn A, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế khoản nợ ngày 02-12-2017 là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); trả cho bà Võ Thị T có địa chỉ tại T6, thị trấn A, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế khoản nợ ngày 20-4-2013 là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); trả cho chị Hồ Thị L có địa chỉ tại thôn P, xã S, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế khoản nợ hui ngày 17-4-2017 là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); trả cho bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại T6, thị trấn A, huyện AL, tỉnh Thừa Thiên Huế khoản nợ ngày 20-5-2016 là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Trường hợp có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2.3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trương Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí chia tài sản là 2.353.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng), tổng cộng 2.503.000 đồng (Hai triệu năm trăm linh ba nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tại Biên lai thu số AA/2013/0041zz ngày 29-5-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; bà H còn phải nộp số tiền là 1.453.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng).

2.4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản:

Bà Trương Thị H tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và chi phí định giá tài sản 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), tổng cộng 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng); đã nộp đủ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A Lưới;
- UBND thị trấn A;
- (ĐKKH số xx ngày 02-12-2000)
- Lưu hồ sơ, HNGĐ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Trường